

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày 30/7/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyền.
2. Ông Nông Thanh Tuy.

Thư ký phiên tòa: Ông Bé Văn Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty J

Địa chỉ: Lầu 15, Tòa nhà C, đường A, phường B, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Đại diện theo pháp luật:* Ông T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ *Đại diện theo ủy quyền:* Ông H. Chức vụ: Giám đốc điều hành cấp cao – Bộ phận quản lý nợ & thẩm định.

+ *Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 02, đường Y, tổ dân phố Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh LĐ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị LH, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hoà giải Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T trình bày:**

Vào ngày 19/6/2017, anh LĐ ký hợp đồng số 64030000002732000 với Công ty J(Viết tắt là JIVF) vay tiền mua xe máy theo hình thức tín chấp trả góp hàng tháng tại quầy tư vấn cửa hàng V3 có trụ sở tại: T3, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nội dung chính của Hợp đồng tín dụng: Số tiền vay: 40.600.000đ; Phương thức vay: Vay trả góp; Lãi suất tháng: 2.64%; Phương thức trả nợ: Chuyển khoản hoặc tiền mặt; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Mua xe máy; Thời hạn vay: 30 tháng; Kỳ hạn trả nợ: Theo tháng; Số tiền thanh toán mỗi kỳ: 1.976.162đ; Ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: 22/7/2017; Số tiền thanh toán kỳ cuối cùng: 2.663.693đ; Ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối: 22/12/2019.

Như vậy, số tiền vay là 40.600.000đ; tiền lãi là 19.372.391đ. Tổng cộng cả gốc và lãi mà anh LĐ phải trả là 59.972.391đ.

Sau khi mua xe xong, phía công ty giữ của anh LĐ 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029854. Tên chủ xe: LĐ; Biển số đăng ký 47M1-535.74, do Công an huyện Krông Pắc cấp ngày 22/6/2017.

Từ ngày vay đến nay, anh LĐ đã thanh toán cho Công ty J số tiền nợ gốc là 18.235.261đ; Tiền lãi là 15.350.195đ; Tiền phạt là 126.298đ. Tổng cộng ông LĐ đã thanh toán được cho Công ty J 33.711.754đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm mười một nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng).

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh LĐ phải trả dần số nợ trên vào ngày 22 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 22/7/2017. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay, anh LĐ đã vi phạm hợp đồng. Cụ thể, kỳ tháng 10 năm 2017; Các kỳ của tháng 9, tháng 10, tháng 11, tháng 12 năm 2018; Các kỳ của tháng 01, tháng 02 năm 2019.

Vì anh LĐ vi phạm các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên phía công ty đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án để buộc anh LĐ trả nợ cho Công ty J tổng số tiền: 27.493.685đ, trong đó tiền vay gốc còn nợ 22.364.739đ; Tiền lãi tính đến ngày 30/7/2019 là 5.128.946đ. Ngoài ra, phía Công ty J yêu cầu anh LĐ tiếp tục thanh toán tiền lãi suất phát sinh từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với khoản tiền phạt là 313.444đ, tiền phí tắt toán hợp đồng trước hạn là 1.500.000đ. Vào ngày 19/4/2019, Công ty J đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản trên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công ty J yêu cầu chị LH có trách nhiệm liên đới cùng anh LĐ trả cho Công Ty số tiền: 27.493.685đ và lãi suất phát sinh từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029854. Tên chủ xe: LĐ; Biển số đăng ký 47M1-535.74, do Công an huyện Krông Pắc cấp ngày 22/6/2017 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bản tự khai ngày 12/02/2019, biên bản hòa giải ngày 17/5/2019 và tại phiên tòa, bị đơn anh LĐ trình bày:**

Do có nhu cầu vay tiền để mua xe máy nên vào ngày 19/6/2017, tôi (LĐ) có ký hợp đồng tín dụng với Công ty J. Nội dung chính của hợp đồng tín dụng thể hiện: Số tiền vay: 40.600.000đ; Phương thức vay: Vay trả góp; Lãi suất tháng: 2.64%; Phương thức trả nợ: Chuyển khoản hoặc tiền mặt; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Mua xe máy; Thời hạn vay: 30 tháng; Kỳ hạn trả nợ: Theo tháng; Số tiền thanh toán mỗi kỳ: 1.976.162đ; Ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: 22/7/2017; Số tiền thanh toán kỳ cuối cùng: 2.663.693đ; Ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối: 22/12/2019.

Từ ngày vay đến nay tôi đã trả cho Công ty được 33.585.411đ, trong đó: tiền vay gốc: 18.235.261đ; Tiền lãi suất: 15.350.195đ. Số tiền gốc và lãi suất tôi vi phạm trả nợ cho Công ty, cụ thể: Vi phạm trả nợ kỳ tháng 10 năm 2017; các kỳ của tháng 9, tháng 10, tháng 11, tháng 12 năm 2018; các kỳ tháng 01, tháng 02 của năm 2019. Đến tháng 03 năm 2019, tôi tiếp tục trả theo kỳ cho công ty theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Nay, Công ty J khởi kiện, tôi thừa nhận tôi có nợ Công ty J số tiền vay tổng cộng là 27.493.685đ. Trong đó, tiền vay gốc là 22.364.739đ; Tiền lãi tạm tính đến ngày 30/7/2019 là 5.128.946đ. Ngoài ra, phía Công ty J yêu cầu tôi tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả hết nợ. Tôi chấp nhận trả nợ cho Công ty J theo đơn khởi kiện. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi chưa thanh toán được số tiền còn nợ cho Công ty J, tôi đề nghị xin được trả nợ cho Công ty thành 02 đợt.

Đợt 1: Ngày 01 tháng 7 năm 2019, trả 10.000.000đ.

Đợt 2: Ngày 01 tháng 12 năm 2019, trả 17.493.685đ và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 31/5/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với yêu cầu của Công ty J buộc chị LH cùng tôi có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Công ty, ý kiến của tôi là: Khi xác lập hợp đồng vay với Công ty, tôi không báo cho vợ tôi LH biết việc vay nợ này. Khi vay, tôi mua xe mô tô đứng tên tôi, sử dụng cá nhân, vợ tôi không có nhu cầu sử dụng xe mô tô này nên việc Công ty J buộc vợ tôi liên đới có trách nhiệm trả số tiền vay và lãi suất nói trên là không có căn cứ.

*** Biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019, biên bản hòa giải ngày 17/5/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị LH trình bày:** Ngày 19/6/2017, anh LĐ ký hợp đồng tín dụng với Công ty J, chị H không biết. Khi anh LĐ mua xe mô tô, anh LĐ không bàn bạc với chị H, xe mô tô đứng tên anh LĐ và do anh LĐ sở hữu và sử dụng cho cá nhân anh LĐ, chị H không có nhu cầu sử dụng chiếc xe này. Do vậy chị H không có trách nhiệm liên đới cùng anh LĐ trả nợ cho Công ty J

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 203, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- **Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh T trình bày ý kiến tranh luận:** Vì anh LĐ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho Công ty theo thỏa thuận của hợp đồng, do vậy Công ty J yêu cầu Tòa án buộc anh LĐ trả cho Công ty J số tiền vay và lãi suất còn nợ theo hợp đồng là 27.493.685đ. Trong đó, tiền vay gốc là 22.364.739đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 30/7/2019 là 5.128.946đ, phía Công ty J yêu cầu anh LĐ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, Công ty J yêu cầu Tòa án buộc chị LH là vợ của anh LĐ có trách nhiệm liên đới cùng với anh LĐ trả nợ cho Công ty J toàn bộ số tiền vay gốc và lãi suất nói trên.

Ngày 19/4/2019, Công ty J đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phí tắt toán hợp đồng: 1.500.000 đồng; Tiền phạt: 313.444đ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- **Bị đơn anh LĐ trình bày ý kiến tranh luận:** Hiện nay tôi còn nợ Công ty J số tiền 27.493.685đ. Trong đó, tiền vay gốc là 22.364.739đ; Tiền lãi tạm tính đến ngày 30/7/2019 là 5.128.946đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 31/7/2019. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi xin trả làm hai đợt:

Đợt 1: Ngày 01 tháng 7 năm 2019, trả 10.000.000đ.

Đợt 2: Ngày 01 tháng 12 năm 2019, trả 17.493.685đ và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 31/5/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với phí tắt toán hợp đồng: 1.500.000 đồng; Tiền phạt: 313.444đ, Công ty đã rút yêu cầu khởi kiện nên tôi không có ý kiến gì.

Việc Công ty yêu cầu vợ tôi LH liên đới trả nợ vay và lãi suất cho Công ty là không có căn cứ nên tôi đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị LH mặc dù được triệu tập họp lệ đến tham gia hòa giải cũng như phiên tòa, tuy nhiên vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm Điều 70, Điều 73, Điều 227 BLTTDS

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc anh LĐ chịu trách nhiệm trả cho Công ty Jsố tiền 27.493.685đ. Trong đó, tiền vay gốc là 22.364.739đ; Tiền lãi tạm tính đến ngày 30/7/2019 là 5.128.946đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

- Bác một phần yêu cầu của Công ty Jvề việc buộc chị LH liên đới cùng anh LĐ trả cho Công ty Jsố tiền 27.493.685đ. Trong đó, tiền vay gốc là 22.364.739đ; Tiền lãi tạm tính đến ngày 30/7/2019 là 5.128.946đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

- Công ty Jcó trách nhiệm trả lại cho anh LĐ 01 Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029854 (Bản gốc); Tên chủ xe: LĐ; Biển số đăng ký 47M1-535.74, do Công an huyện Krông Pắc cấp ngày 22/6/2017.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh LĐ phải trả phí tất toán hợp đồng trước hạn: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Tiền phạt: 313.444đ (Ba trăm mười ba nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty J lập ngày 25/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy tại thời điểm Công ty J làm đơn khởi kiện, bị đơn anh LĐ đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị LH tham gia phiên tòa nhưng chị H vắng mặt không có lý do, vì vậy HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty J:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty J yêu cầu Tòa án buộc anh LĐ trả số tiền vay gốc là 22.364.739đ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Ngày 19/6/2017, Công ty J và anh LĐ ký hợp đồng số 64030000002732. Theo hợp đồng, Công ty J cho anh LĐvay số tiền 40.600.000đ. Khi vay hai bên có xác lập

hợp đồng vay, anh LĐ là người ký hợp đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận 2.64%/ 1 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ vay chia làm 30 kỳ, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.976.162đ. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 22/7/2017, kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 22/12/2019, số tiền thanh toán là 2.663.693đ. Như vậy tổng số tiền vay gốc và lãi suất anh LĐ phải trả cho Công ty là 59.972.391đ (Trong đó tiền vay gốc 40.600.000đ, tiền lãi suất trong hạn là 19.372.391đ). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh LĐ đã trả cho Công ty số tiền 33.711.754đ, trong đó tiền vay gốc: 18.235.261đ, tiền lãi suất: 15.350.195đ; Tiền lãi phạt chậm trả: 126.298đ. Tính đến thời điểm hiện nay, anh LĐ còn nợ Công ty 27.493.685đ (Trong đó tiền vay gốc: 22.364.739đ, tiền lãi suất: 5.128.946đ). Toàn bộ nội dung trên được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh T và bị đơn anh LĐ thừa nhận tại phiên tòa, đây là những tình tiết không cần phải chứng minh.

Do anh LĐ không trả nợ tiền của các kỳ như đã thỏa thuận trong hợp đồng vay, cụ thể: Anh LĐ vi phạm trả nợ vay kỳ tháng 10 năm 2017; các kỳ của tháng 9, tháng 10, tháng 11, tháng 12 năm 2018 và các kỳ của năm 2019 là vi phạm trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty J là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc bị đơn anh LĐ trả cho Công ty J số tiền vay gốc còn nợ 22.364.739đ là đúng với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty J yêu Tòa án buộc anh LĐ trả số tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 30/7/2019) là 5.128.946đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả hết nợ, HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 64030000002732, ngày 19/6/2017 được ký kết giữa Công ty J và anh LĐ: Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 2,64%/tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

“2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên, xét thấy Công ty J và anh LĐ thỏa thuận mức lãi suất 2,64%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận. Mức lãi suất được tính như sau:

+ Từ ngày 19/6/2017 đến ngày 24/7/2017 là 35 ngày: (Tiền lãi = 40.600.000đ x 35 ngày x 31.68%/năm) : (12 tháng x 30 ngày) = 1.250.480đ.

+ Từ ngày 25/7/2017 đến ngày 22/8/2017 là 29 ngày: Tiền lãi = (39.874.318đ x 29 ngày x 31.68%/năm) : (12 tháng x 30 ngày) = 1.017.592đ.

+ Ngày 23/8/2017 là 01 ngày: Tiền lãi = $(39.873.480đ \times 01 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 35.088đ.$

+ Từ ngày 24/8/2017 đến ngày 22/9/2017 là 30 ngày: Tiền lãi = $(38.915.748đ \times 30 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 1.027.375đ.$

+ Từ ngày 23/9/2017 đến ngày 29/9/2017 là 07 ngày: Tiền lãi = $(38.914.072đ \times 07 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 239.710đ.$

+ Từ ngày 30/9/2017 đến ngày 23/10/2017 là 24 ngày: Tiền lãi = $(38.002.051đ \times 24 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 802.603đ.$

+ Từ ngày 24/10/2017 đến ngày 01/11/2017 là 09 ngày: Tiền lãi = $(37.999.537đ \times 09 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 300.956đ.$

+ Từ ngày 02/11/2017 đến ngày 21/11/2017 là 21 ngày: Tiền lãi = $(37.068.203đ \times 21 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 685.020đ.$

+ Từ ngày 22/11/2017 đến ngày 11/12/2017 là 19 ngày: Tiền lãi = $(37.067.660đ \times 19 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 619.771đ.$

+ Từ ngày 12/12/2017 đến ngày 10/01/2018 là 30 ngày: Tiền lãi = $(36.078.017đ \times 30 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 952.459đ.$

+ Từ ngày 11/01/2018 đến ngày 31/01/2018 là 21 ngày: Tiền lãi = $(35.070.862đ \times 21 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 648.109đ.$

+ Từ ngày 01/02/2018 đến ngày 16/3/2018 là 44 ngày: Tiền lãi = $(34.068.272đ \times 44 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 1.319.123đ.$

+ Từ ngày 17/3/2018 đến ngày 11/4/2018 là 26 ngày: Tiền lãi = $(33.029.433đ \times 26 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 755.713đ.$

+ Từ ngày 12/4/2018 đến ngày 17/5/2018 là 36 ngày: Tiền lãi = $(31.887.299đ \times 36 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 1.010.187đ.$

+ Từ ngày 18/5/2018 đến ngày 30/5/2018 là 13 ngày: Tiền lãi = $(30.829.114đ \times 13 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 352.685đ.$

+ Từ ngày 31/5/2018 đến ngày 02/7/2018 là 33 ngày: Tiền lãi = $(29.662.058đ \times 33 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 861.386đ.$

+ Từ ngày 03/7/2018 đến ngày 13/8/2018 là 42 ngày: Tiền lãi = $(28.503.293đ \times 42 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 1.053.481đ.$

+ Từ ngày 14/8/2018 đến ngày 14/12/2018 là 123 ngày: Tiền lãi = $(27.314.898đ \times 123 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 2.956.564đ.$

+ Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 28/12/2018 là 14 ngày: Tiền lãi = $(24.880.083đ \times 14 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (14 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 306.522đ.$

+ Từ ngày 29/12/2018 đến ngày 05/03/2019 là 67 ngày: Tiền lãi = $(23.595.751đ \times 67 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 1.391.205đ.$

+ Từ ngày 06/3/2019 đến ngày 18/4/2019 là 44 ngày: Tiền lãi = $(22.364.739đ \times 44 \text{ ngày} \times 31.68\%/năm) : (12 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) = 865.962đ.$

+ Từ ngày 19/4/2019 đến ngày 30/7/2019 là 147 ngày: Tiền lãi là 22.364.739đ

x 147 ngày x 31.68%/năm) : (12 tháng x 30 ngày) = 2.893.103đ.

Tổng cộng số tiền lãi suất anh LĐ phải trả cho Công ty là 20.479.141đ, anh LĐ đã trả được 15.350.195đ; Số tiền lãi suất buộc anh LĐ còn phải trả cho Công ty là 5.128.946đ.

Anh LĐ phải chịu tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 31/7/2019 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc vay.

[2.3] Xét yêu cầu của Công ty J yêu cầu Tòa án buộc chị LH liên đới cùng anh LĐ trả nợ vay cho Công ty, HĐXX nhận định:

Việc ký hợp đồng tín dụng số 64030000002732, ngày 19/6/2017 giữa Công ty J và anh LĐ chị LH (Vợ anh LĐ) hoàn toàn không biết. Khi vay số tiền trên về để mua xe mô tô, anh LĐ không bàn bạc với chị H, chị H không sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện đi lại vì gia đình chị H đã có xe mô tô, vợ chồng đã mua trước đó.

Như vậy, việc anh LĐ ký hợp đồng với Công ty vay số tiền 40.600.000đ để mua xe mô tô không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 30 luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty J về việc buộc chị LH liên đới cùng anh LĐ trả nợ vay cho Công ty.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty J yêu Tòa án buộc anh LĐ phải trả phí tất toán hợp đồng: 1.500.000 đồng; Tiền phạt: 313.444đ.

Vào ngày 19/4/2019, Công ty J đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh LĐ phải trả phí tất toán hợp đồng: 1.500.000 đồng; Tiền phạt: 313.444đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty J về việc buộc anh LĐ phải trả phí tất toán hợp đồng: 1.500.000 đồng; Tiền phạt: 313.444đ.

[2.5] Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Công ty J giữ của anh LĐ 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029854. Tên chủ xe: LĐ; Biển số đăng ký 47M1-535.74, do Công an huyện Krông Pắc cấp ngày 22/6/2017.

Việc Công ty giữ của anh LĐ 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô nói trên không lập văn bản hay giấy tờ gì và không tuân thủ pháp luật về giao dịch tài sản đảm bảo.

Vì vậy, HĐXX buộc Công ty J trả cho anh LĐ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029854. Tên chủ xe: LĐ; Biển số đăng ký 47M1-535.74, do Công an huyện Krông Pắc cấp ngày 22/6/2017.

[2.6] Xét ý kiến của anh LĐ xin được trả nợ vay cho Công ty làm hai đợt, HĐXX nhận định: Do bị đơn anh LĐ vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Vì vậy, Công ty căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký kết để khởi kiện anh LĐ. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty anh T không đồng ý

cho anh LĐ trả tiền vay gốc và lãi suất phát sinh làm hai đợt như ý kiến của anh LĐtrình bày nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của anh LĐ.

[3] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Áp dụng Điều 147, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

- Về tiền tạm ứng án phí: Nguyên đơn Công ty J được nhận lại số tiền 792.000đ (*Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0011004 ngày 16/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí: Buộc anh LĐ phải nộp 1.374.000đ (Làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức tính như sau: $27.493.685đ \times 5\% = 1.374.000đ$

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty J

- Buộc anh LĐ chịu trách nhiệm trả cho Công ty J số tiền 27.493.685đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền vay gốc là 22.364.739đ; Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 30/7/2019) là 5.128.946đ.

Anh LĐ phải chịu tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 31/7/2019 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Công ty J có trách nhiệm trả lại cho anh LĐ 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029854 (Bản chính); Tên chủ xe: LĐ; Biển số đăng ký 47M1-535.74, do Công an huyện Krông Pắc cấp ngày 22/6/2017.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty J đối với yêu cầu buộc chị LH liên đới cùng anh LĐ trả nợ số tiền 27.493.685đ cho Công ty.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty J về việc buộc anh LĐ phải trả phí tất toán hợp đồng trước hạn: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm

ngàn đồng); Tiền phạt: 313.444đ (Ba trăm mười ba ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Về án phí:

Công ty J được nhận lại số tiền 792.000đ (Bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0011004 ngày 16/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc anh LĐ phải nộp 1.374.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Quang Vinh